

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần : NGHE TIẾNG TRUNG 3 (Chinese Listening3)

- Mã số học phần : 1920062

- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ

- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Đại học, Ngôn ngữ Trung Quốc

- Số tiết học phần: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết
- Thực hành (Làm bài tập trên lớp / Thảo luận / Hoạt động cá nhân, theo cặp, theo nhóm ...) : 25 tiết
- Tự học : 60 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần: TBM Thực hành tiếng Trung

2. Học phần trước: Nghe tiếng Trung 1, 2

3. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có thể rèn luyện và phát triển khả năng nghe bằng ngôn ngữ tiếng Trung. Nắm bắt được ngữ điệu trong các đoạn hội thoại ngắn, hiểu được ý chính các chủ đề thông thuộc, đoạn giao tiếp thông thường trong cuộc sống, học tập.... Tăng thêm kiến thức về văn hóa nước ngoài để sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung thành thạo trong giao tiếp xã hội và chuyên môn

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	4.1.1. Hiểu và vận dụng các cấu trúc văn phạm, từ vựng, mẫu câu, cụm thành ngữ đã học vào những tình huống thích hợp	PLO – K02
Kỹ năng	4.2.1. Nghe, nhận biết từ khóa và ghi lại ý chính thông qua những tình huống giao tiếp	PLO – S02 PLO – S06

	4.2.2. Phán đoán tình huống nghe, hiểu và diễn giải lại nội dung một cách chính xác	PLO – S09
Thái độ	4.3.1. Tích cực rèn luyện kỹ năng nghe hàng ngày (trên lớp và tự học ở nhà)	PLO – A04
	4.3.2. Luôn trau dồi và rèn luyện khả năng tập trung vào bài nghe, hiểu tình huống, đóng góp xây dựng bài và đặt câu hỏi khi không hiểu bài	PLO – A05

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Giáo trình 《汉语听力教程》(修订本)(第2册) 胡波、杨雪梅编著 北京语言文化大学出版社 2009. (Giáo trình nghe Hán ngữ (cuốn 2), Hồ Ba, Dương Tuyết Mai chủ biên, NXB Đại học Văn hóa Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2009). Bao gồm 10 bài có chọn lọc được giảng chính trên lớp (bài 2, 4, 5, 7, 8, 9, 13, 14, 17, 20 bài khác sinh viên tự học), với các chủ điểm như: nói về thời tiết, giới thiệu bạn, thời gian, mua đồ, mời khách, hàng xóm, ba mẹ nói về cách nuôi dạy trẻ ... Mỗi bài gồm 2 phần: bài tập nghe (cấu trúc câu, mẫu đối thoại 1,2), bài tập ngữ âm ngữ điệu (bài tập thanh điệu, bài tập ngoại khóa: đoạn văn 1,2). Từ vựng đều là những từ ngữ thường dùng, được xuất hiện trong bài khoá. Mỗi bài có từ 2-3 điểm ngữ pháp. Mẫu đối thoại dựa vào chương trình thi Hán ngữ quốc tế để sinh viên làm quen dần với hình thức thi HSK cũng như kiểm tra độ nắm bắt của sinh viên về môn nghe.

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy: (Lý thuyết và thực hành)

Buổi/ 2 tiết	Nội dung	Ghi chú
1	- Sinh hoạt lớp: (nhắc nhở nội quy học tập, thời gian dự kiến cho các bài kiểm tra và hình thức kiểm tra, hướng dẫn khái quát phương pháp tự học) 第 2 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
2	第 2 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2

		4.3.1 4.3.2
3	第 4 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
4	第 5 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
5	第 7 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
6	第 8 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
7	第 9 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2

		4.3.1 4.3.2
8	第 13 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
9	第 13 课 第 14 课	
10	第 14 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
11	第 17 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
12	第 17 课 <i>Bài kiểm tra giữa kỳ</i>	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1

		4.3.2
13	第 20 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
14	第 20 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2 4.2.1 4.2.2 4.3.1 4.3.2
15	Ôn tập & Tổng kết quá trình học tập	Giải quyết mục tiêu 4.3

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Đến lớp đúng giờ và tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và thực hành.
 - Thực hiện đầy đủ các bài tập cá nhân, cặp, nhóm trong lớp và ở nhà.
 - Tham dự đầy đủ các buổi kiểm tra trong lớp và kiểm tra giữa học kỳ.
 - Tham dự thi kết thúc học phần.
 - Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- + *Hành vi trong lớp học:*
- Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học
 - Không ăn uống, nghe điện thoại, nghe nhạc trong giờ học
 - Trong giờ học, máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích học tập

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

8.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự đầy đủ số tiết của học phần	10%	4.3.1
2	Điểm đánh giá quá trình	3 bài kiểm tra trên lớp	20%	4.1; 4.2.; 4.3
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- 1 bài thi tự luận (50 phút)	20%	4.1 ; 4.2;
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi tự luận (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1; 4.2; 4.3

8.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính:

[1] 对外汉语本科系列教材—汉语听力教程（修订本）第2册，杨雪梅、胡波 编著 ——北京语言大学出版社

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 轻松汉语《中级汉语听力》下册，李晓美编著，北京大学出版，2011.

[3] 《原声汉语》—初级实况听力教程，孟国主编，NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2013.

10. Hướng dẫn sinh viên tự học:

. Giáo trình :

对外汉语本科系列教材—汉语听力教程（修订本）第2册，杨雪梅、胡波 编著 ——北京语言大学出版社

Tuần /Buổi	Nội dung	Lý thuyết	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
------------	----------	-----------	------------------	------------------------

		(tiết)		
1	第 1+2 课 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
2	第 3+4 课 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
3	第 5+6 课 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
4	第 7+8 课 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
5	第 9+10 课 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm) - Ôn bài chuẩn bị làm bài kiểm tra số 1
6	第 11+12 课 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
7	第 13 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
8	第 14 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
9	第 15 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
10	第 16 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)

11	第 17 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
12	第 18 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm) Ôn bài chuẩn bị làm bài kiểm tra số 2
13	第 19 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
14	第 20 课 听力理解练习 语音语调练习 课外练习	1	3	Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
15	Ôn bài	1	3	

Ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổ trưởng Bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Th.S Huỳnh Thị Chiêu Uyên

Th.S Nguyễn Thị Ngọc Phương

Ngày.....tháng.....năm.....

Ban giám hiệu